

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THỊ XÃ PHÚ MỸ  
TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc

Bản án số: 41/2024/DS-ST

Ngày: 14/8/2024

“Tranh chấp về hợp đồng  
góp hụi”.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚ MỸ, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phan Thị Sơn.
- Ông Nguyễn Thế Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Ngọc Hồng Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 384/2023/TLST-DS ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp về hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2024/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 42/2024/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Ngô Thị V, sinh năm 1977. Địa chỉ: Tổ G, ấp P, xã T, thành phố B, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Trịnh Kiều L, sinh năm 1970. Địa chỉ: Tổ C, khu phố N (số F đường P), phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

3. Người làm chứng:

Bà Nguyễn Ngọc Thanh T, sinh năm 1989. Địa chỉ: Tổ H, khu phố T, phường P, thị xã P, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bà Trần Thị L1, sinh năm 1977. Địa chỉ: Đường V, khu phố Đ, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương (vắng mặt, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn - bà Ngô Thị V trình bày:

Do quen biết, bà V có chơi 04 dây hụi do bà Trịnh Kiều L làm chủ hụi. Việc góp hụi cụ thể như sau:

Dây thứ nhất: Hội tháng, mở hội ngày 20/12/2021, gồm 18 chân hội (18 kỳ, mỗi tháng đóng một kỳ), mỗi chân hội góp 800.000đ/kỳ (tám trăm ngàn đồng). Bà V chơi 05 chân, mỗi kỳ góp 4.000.000đ. Từ ngày 20/12/2021 đến ngày 20/6/2023, bà V đã góp được 18 kỳ là 72.000.000đ. Theo thoả thuận, ngày 20/7/2023 bà V được hốt 90.000.000đ. Bà V là người hốt cuối cùng nhưng ngày 20/7/2023 thì bà L không cho hốt hội, đến nay vẫn chưa trả tiền hội.

Dây thứ hai và thứ ba thì bà V không chơi từ đầu. Bà V được bà L giới thiệu là có “bà H vật liệu xây dựng” đang chơi 02 dây, mỗi dây 05 chân, mỗi tháng góp 4.000.000đ. Dây 2 (20 chân) mở ngày 15/4/2022 đã góp 10 tháng (từ tháng 4/2022 đến tháng 1/2023) là 40.000.000đ. Dây 3 (21 chân) mở ngày 01/6/2022 đã góp 08 tháng (từ tháng 6/2022 đến tháng 1/2023) là 32.000.000đ. Nay bà H không có khả năng góp tiếp, muốn sang lại giá 70.000.000đ. Bà V đồng ý nhận sang lại nên ngày 12/02/2023 bà V đã giao tiền cho bà L để bà L trả cho bà H. Bà V không biết bà H. Sau khi trả tiền thì bà V tiếp tục góp hội đến tháng 6/2023 thì ngừng góp, sau đó bà L bẻ hội vào khoảng cuối tháng 7/2023.

Dây thứ hai: Hội tháng, mở hội ngày 15/4/2022: Bà V tiếp tục góp từ tháng 2/2023 đến tháng 6/2023) là 05 tháng, cộng với 10 tháng “bà H vật liệu xây dựng” đã góp là 15 tháng x 4.000.000đ = 60.000.000đ (sáu mươi triệu đồng).

Dây thứ ba: Hội tháng, mở hội ngày 01/6/2022: Bà V tiếp tục góp bằng tiền mặt từ tháng 2/2023 đến tháng 6/2023 là 05 tháng (trong đó nhớ bà T chuyển khoản giúp 03 lần, mỗi lần 4.000.000đ), cộng với 08 tháng bà H góp là 13 tháng x 4.000.000đ = 52.000.000đ (năm mươi hai triệu đồng).

Dây thứ tư: Hội tháng, mở hội ngày 10/12/2022, gồm 23 chân hội, mỗi chân cũng góp 800.000đ (tám trăm ngàn đồng), bà V chơi 01 chân hội, mỗi tháng góp 800.000đ. Bà V đã góp 08 tháng (từ ngày 10/12/2022 đến ngày 10/7/2023) thành tiền là 6.400.000đ (sáu triệu bốn trăm ngàn đồng). Hình thức góp là nhờ bà Trần Thị L1 chuyển khoản 08 lần, mỗi lần 800.000đ đến tài khoản của bà Trịnh Kiều L tại Ngân hàng TMCP Q.

Tổng số tiền hội bà V góp cho bà L trong 04 dây hội trên là 190.400.000đ. Nay bà V yêu cầu bà L trả tiền hội gốc là 190.400.000đ (một trăm chín mươi triệu, bốn trăm đồng), không yêu cầu trả lãi. Về tài liệu chứng cứ: Bà V giao nộp cho Toà án 02 giấy ghi hội viết tay, sao kê tài khoản của bà Trần Thị L1, bà Nguyễn Ngọc Thanh T và bản in một số tin nhắn zalo.

*Quá trình tố tụng, bị đơn - bà Trịnh Kiều L trình bày:*

Bà L xác nhận bà V có chơi hội do bà L làm chủ. Về số tiền góp hội còn nợ bà V: Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2023, ngày 30/01/2024 (BL 52+53), biên bản làm việc ngày 11/12/2023 và ngày 30/01/2024 (BL 58+59), ban đầu bà L xác nhận trong 04 dây hội mà bà V trình bày thì bà V chỉ chơi 03 dây hội tháng (không có dây hội mở ngày 01/6/2022) và đã góp tổng số tiền 137.600.000đ (một trăm ba mươi bảy triệu, sáu trăm ngàn đồng), góp bằng tiền mặt và chuyển khoản. Bà L đề nghị cho thời gian để kiểm tra lại đối với dây hội mở ngày 01/6/2022. Tại biên bản hoà giải ngày

18/7/2024, bà L xác nhận số tiền nợ hụi là 190.400.000đ (một trăm chín mươi triệu, bốn trăm ngàn đồng). Về tài liệu chứng cứ: Bà L không giao nộp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án.

*Tại đơn trình bày ý kiến và yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 18/7/2024, người làm chứng - bà Trần Thị L1 trình bày:* Bà L1 có 08 lần chuyển khoản góp hụi giúp cho bà V, chuyển từ tài khoản số 6280205340677 tại Ngân hàng N đến số tài khoản số 1801101970 tại Ngân hàng TMCP Q của bà Trịnh Kiều L vào các ngày 16/12/2022, 14/01/2023, 13/02/2023, 13/3/2023, 14/4/2023, 13/5/2023, 12/6/2023 và 11/7/2023, mỗi lần chuyển 800.000đ (tám trăm ngàn đồng). Sau khi chuyển tiền, bà V đã trả lại số tiền cho bà L1, nay bà L1 không yêu cầu gì và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Tại đơn trình bày ý kiến và yêu cầu giải quyết vắng mặt ngày 18/7/2024, người làm chứng - bà Nguyễn Ngọc Thanh T trình bày:* Bà T có 03 lần chuyển khoản góp hụi giúp cho bà V, chuyển vào các ngày 02/3/2023, 04/5/2023 và 02/6/2023, mỗi lần chuyển 4.000.000đ (bốn triệu đồng). Sau khi chuyển tiền, bà V đã trả lại số tiền cho bà T, bà T không yêu cầu gì và yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt.

*Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa:*

Về tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình thụ lý, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, bị đơn và người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên Tòa án xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số nợ tiền hụi 190.400.000đ (một trăm chín mươi triệu bốn trăm đồng). Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng: Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Nguyên đơn - bà Ngô Thị V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn - bà Trịnh Kiều L trả tiền nợ hụi nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp về hợp đồng góp hụi” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn - bà Trịnh Kiều L có nơi cư trú tại thị xã P nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn - bà Trịnh Kiều L và những người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt

nên căn cứ vào Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án tiến hành xét xử vụ án là đúng quy định pháp luật.

**[2] Về nội dung khởi kiện:**

Xét yêu cầu trả tiền nợ hụi của bà V thì thấy: Bà V khai có chơi nhiều dây hụi tháng do bà Trịnh Kiều L làm chủ, đến nay bà L còn nợ tiền hụi với số tiền là 190.400.000đ thuộc 04 dây hụi như sau:

(1) Dây hụi tháng, mở ngày 20/12/2021: Dây hụi gồm 18 chân hụi, mỗi chân góp 800.000đ, mỗi tháng góp 01 kỳ. Bà V chơi 05 chân, góp đủ 18 kỳ bằng tiền mặt, thành tiền là  $(800.000\text{đ}/\text{chân hụi} \times 5 \text{ chân hụi}) \times 18 \text{ kỳ} = 72.000.000\text{đ}$  (bảy mươi hai triệu đồng);

(2) Dây hụi tháng, mở ngày 15/4/2022: Dây hụi gồm 20 chân hụi, mỗi chân hụi góp 800.000đ, mỗi tháng góp 01 kỳ. Bà V nhận sang lại vào thời điểm bà H vật liệu xây dựng đã góp được 08 kỳ (từ ngày 15/4/2022 đến tháng 01/2023), bà V góp đến tháng 6/2023 được thêm 05 kỳ bằng tiền mặt (từ tháng 2/2023 đến tháng 6/2023) thành  $13 \text{ kỳ} \times 4.000.000\text{đ} = 52.000.000\text{đ}$  (năm mươi hai triệu đồng).

(3) Dây hụi tháng, mở ngày 01/6/2022: Dây hụi gồm 21 chân hụi, mỗi chân hụi góp 800.000đ, mỗi tháng góp 01 kỳ. Bà V nhận sang lại vào thời điểm bà H vật liệu xây dựng đã góp được 10 kỳ (từ ngày 01/6/2022 đến tháng 01/2023), bà V góp (từ tháng 2/2023 đến tháng 6/2023) được thêm 05 kỳ, góp bằng tiền mặt và chuyển khoản (trong đó, bà V nhờ bà Nguyễn Ngọc T1 Thảo chuyển khoản 03 kỳ vào các ngày 02/3/2023, ngày 04/5/2023 và 02/6/2023) thành  $15 \text{ kỳ} \times 4.000.000\text{đ} = 60.000.000\text{đ}$  (sáu mươi triệu đồng).

(4) Dây hụi tháng, mở ngày 10/12/2022: Dây hụi gồm 23 chân hụi, mỗi chân hụi góp 800.000đ, mỗi tháng góp 01 kỳ. Bà V chơi 01 chân, góp đủ 08 kỳ bằng hình thức nhờ bà Trần Thị L1 chuyển khoản, thành tiền là  $(800.000\text{đ}/\text{chân hụi} \times 1 \text{ chân hụi}) \times 08 \text{ kỳ} = 6.400.000\text{đ}$  (sáu triệu bốn trăm ngàn đồng).

Xét lời khai của bà V về việc góp hụi, các bản trình bày ý kiến của bà Trần Thị L1, bà Nguyễn Ngọc Thanh T và sao kê tài khoản do bà V giao nộp là phù hợp với nhau, đồng thời phù hợp tài liệu chứng cứ Toà án thu thập được là sao kê chi tiết giao dịch của số tài khoản số 1801 101 970, chủ tài khoản: Trịnh Kiều Linh từ ngày 01/12/2021 đến 31/7/2023 do Ngân hàng TMCP Q cung cấp, cụ thể là: Bà T đã chuyển khoản 03 lần, có ghi rõ nội dung chị V góp hụi, mỗi lần chuyển 4.000.000đ vào các ngày 2/3/2023, 04/5/2023 và 02/6/2023 (BL 22, 23, 26, 77, 78 và 81); Bà L1 đã chuyển khoản 08 lần, có ghi rõ nội dung chị V góp hụi, mỗi lần chuyển 800.000đ vào các ngày 16/12/2022, 14/01/2023, 13/02/2023, 13/3/2023, 14/4/2023, 13/5/2023, 12/6/2023 và 11/7/2023 (BL 29, 30, 31, 62, 70, 74, 76, 77, 78 và 81).

Đối với dây hụi ngày 10/12/2022: Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/12/2023, bà L cho rằng bà V góp hụi 07 lần (lần cuối đóng vào tháng 6/2023) là 5.600.000đ (năm triệu sáu trăm ngàn đồng). Tuy nhiên, như đã phân tích trên, đối với dây hụi tháng, mở ngày 10/12/2022 bà V khai đã góp 8 kỳ, mỗi kỳ 800.000đ thành tiền là 6.400.000đ là hoàn toàn phù hợp với trình bày ý kiến của người chuyển khoản giúp là Trần Thị L1, phù hợp với sao kê tài khoản của bà L1. Mặt khác, tại bản sao kê tài khoản của bà L

tại Ngân hàng TMCP Q cũng thể hiện 08 kỳ chuyển khoản như đã phân tích trên. Do vậy, lời khai của bà V đã góp quỹ 6.400.000đ là có cơ sở.

Tại các biên bản lấy lời khai, biên bản làm việc thì ban đầu bà L xác nhận bà V chơi các dây quỹ được mở vào các ngày 20/12/2021, ngày 15/4/2022 và ngày 10/12/2022 và cho rằng không có dây quỹ mở ngày 01/6/2022. Trong khi bà V khai dây quỹ ngày 01/6/2022 bà V nhận sang lại của “bà H vật liệu xây dựng” theo giới thiệu của bà L cùng với dây quỹ mở ngày 15/4/2022, đã trả tiền mặt 70.000.000đ cho bà L vào ngày 12/02/2023, sau đó bà V tiếp tục góp quỹ cho bà L 05 kỳ tiếp theo (đến tháng 6/2023). Bà V giao nộp bản sao kê tài khoản do bà T chuyển khoản giúp, bản in tin nhắn zalo và 01 giấy ghi quỹ (đối với dây quỹ mở ngày 15/4/2022 và dây quỹ mở ngày 01/6/2022) cho Tòa án. Đối với bà L, Tòa án nhiều lần yêu cầu nhưng bà L không cung cấp thông tin về những người chơi quỹ trong đó có “bà H vật liệu xây dựng”. Xét thấy, lời khai của bà V phù hợp với tài liệu, chứng cứ giao nộp nên lời khai của bà V đã góp quỹ 60.000.000đ đối với dây quỹ ngày 01/6/2022 là có cơ sở.

Quá trình tố tụng, Tòa án nhiều lần yêu cầu nhưng bà L không cung cấp bất kỳ tài liệu chứng cứ nào về các dây quỹ, người chơi quỹ. Xét thấy, việc tổ chức các dây quỹ nhưng không cung cấp thông tin người chơi quỹ là chưa đúng quy định tại Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, quỹ, biểu, phường và có dấu hiệu của tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” nên ngày 01/3/2024, Tòa án đã chuyển hồ sơ đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P điều tra xem xét để khởi tố vụ án theo quy định pháp luật. Ngày 05/7/2024, Tòa án nhận được kết quả điều tra, trong đó Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã P xác định “chưa có căn cứ xác định vụ việc trên có dấu hiệu phạm tội hình sự”. Tại bản kết luận giải quyết nguồn tin về tội phạm (BL 111, 112), bà L khai đã tự đứng ra mở nhiều dây quỹ tháng, cho hốt quỹ đúng thỏa thuận nhưng đối với dây quỹ do bà V tham gia thì bà L không biết tính toán dẫn đến vỡ quỹ và chưa có tiền để trả lại cho bà V (190.400.000đ) đã góp quỹ. Tại phiên hòa giải ngày 18/7/2024, hai bên đã thống nhất được số tiền nợ quỹ là 190.400.000đ trong 04 dây quỹ tháng, mở vào các ngày 20/12/2021, ngày 15/4/2022, ngày 01/6/2022 và ngày 10/12/2022. Hai bên không thống nhất được phương thức trả, bà V đề nghị trả 6.000.000đ/tháng còn bà L đề nghị trả dần mỗi tháng 2.000.000đ cho đến khi hết nợ. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà V đã góp 190.400.000đ (một trăm chín mươi triệu, bốn trăm ngàn đồng) tiền quỹ cho bà L nên có quyền lĩnh quỹ, bà L có nghĩa vụ giao phần quỹ cho thành viên lĩnh quỹ theo quy định tại Điều 471 Bộ luật Dân sự; Các điều 15, 18, 23, 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về hộ, quỹ, biểu, phường.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cần buộc bà Trịnh Kiều L có nghĩa vụ trả cho bà Ngô Thị V số tiền nợ quỹ là 190.400.000đ (một trăm chín mươi triệu, bốn trăm ngàn đồng).

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, bị đơn phải chịu 9.520.000đ (chín triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí.

*Vì các lẽ trên;*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ các Điều 26, 35, 39 và Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 471 Bộ luật Dân sự; Các điều 15, 18, 23 và 25 Nghị định 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, họ, họ, họ; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị V đối với bà Trịnh Kiều L về “Tranh chấp hợp đồng góp vốn”.

Buộc bà Trịnh Kiều L phải trả cho bà Ngô Thị V số tiền nợ vốn gốc là 190.400.000đ (một trăm chín mươi triệu, bốn trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Trịnh Kiều L phải chịu 9.520.000đ (chín triệu năm trăm hai mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Ngô Thị V 4.760.000đ (Bốn triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 7145 ngày 17 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu;
- VKSND thị xã Phú Mỹ;
- Chi cục THADS thị xã Phú Mỹ;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Thị Huyền**